

Số: 48/QĐ-CĐDLSG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-CĐNDLSG ngày 28/06/2010 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-BLĐTBXH ngày 07/01/2022 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Du lịch Sài Gòn thành Trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Công văn số 1301/LĐTBXH-TCGDNN ngày 14/4/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn thực hiện quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trong đào tạo trực tuyến;

Căn cứ Công văn số 2036/TCGDNN-DTCQ ngày 16/09/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc tổ chức thi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ vào điều kiện đào tạo thực tế của trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “Quy chế kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn”.

Điều 2. Các phòng, khoa và các bộ phận trực thuộc trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này được áp dụng và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (theo dõi)
- P.ĐT, Khoa (thực hiện)
- P.ĐT, P.HCNS (lưu)



Ngô Thị Quỳnh Xuân



**Kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và
xét công nhận tốt nghiệp**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 48/2022/QĐ-CDDLSG
ngày 16 tháng 03 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn)

**Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc tổ chức kiểm tra, thi trong quá trình học tập, thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp trình độ trung cấp và cao đẳng đối với học sinh, sinh viên (HSSV) của trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn (CĐ DLSG).

2. Quy chế này áp dụng cho tất cả các lớp đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng tại trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn.

Điều 2. Thi, kiểm tra

1. Kiểm tra trong quá trình học tập, gồm:

- a). Kiểm tra thường xuyên (KT_{TX});
- b). Kiểm tra định kỳ (KT_{ĐK});
- c). Thi kết thúc môn học, môn đụn (Đ_{KT}).
- d). Điểm tổng kết môn học, môn đụn (Đ_{TKM}).

2. Thi tốt nghiệp đối với trình độ trung cấp, cao đẳng:

- Thi môn Chính trị
- Thi môn kiến thức tổng hợp
- Thi môn thực hành.

hoặc được tổ chức theo hình thức bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên có kết quả học tập đạt loại khá, giỏi trở lên. Tùy theo điều kiện của từng ngành nghề được các Khoa chuyên môn lập kế hoạch, đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt.

Điều 3: Đánh giá và lưu kết quả kiểm tra, thi.

1. Đánh giá kết quả kiểm tra, thi được thực hiện theo quy định sau:

a). Kết quả kiểm tra, thi được đánh giá theo phương pháp tính điểm và dùng thang điểm 10 (từ 0 đến 10);

b). Điểm đánh giá bài thi, kiểm tra được tính tròn đến một chữ số thập phân;

2. Kết quả kiểm tra, thi của HSSV được lưu trong bảng điểm tổng hợp kết quả học tập của từng cá nhân.

Điều 4: Điều kiện để được công nhận tốt nghiệp

HSSV được công nhận tốt nghiệp khi có kết quả thi tốt nghiệp hoặc thi kết thúc khóa học đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 20 của quy chế này.

Chương 2

KIỂM TRA, THI VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Mục 1

KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN VÀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Điều 5. Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ

1. Kiểm tra thường xuyên (KT_{TX}): thời gian thực hiện bằng hoặc dưới 30 phút.
2. Kiểm tra định kỳ (KT_{ĐK}): thời gian thực hiện từ 30 đến 60 phút.
3. Cách thức thực hiện kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ:
 - a). Kiểm tra đánh giá quá trình học do giảng viên giảng dạy thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến phải đáp ứng theo những yêu cầu sau:
 - Nội dung kiểm tra là những nội dung đã được giảng dạy cho HSSV;
 - Nội dung và hình thức kiểm tra thường xuyên do giảng viên tự quyết định;
 - Nội dung và hình thức kiểm tra định kỳ được quy định trong chương trình môn học, mô-đun có thể bằng hình thức kiểm tra viết, chấm điểm bài tập, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.
 - b). Các bài kiểm tra theo hình thức kiểm tra viết, tiểu luận, bài tập sau khi chấm giảng viên trả lại cho HSSV ngay sau khi công bố điểm kiểm tra.
 - c). Quy định mỗi một môn học, mô-đun, HSSV có 01 (một) điểm kiểm tra thường xuyên và 01 (một) điểm kiểm tra định kỳ; Giảng viên có thể tổ chức kiểm tra thường xuyên và định kỳ nhiều lần/một môn học, môn đun. Ngay khi kết thúc môn học, môn đun giảng viên chịu trách nhiệm tổng hợp số điểm, công bố cho HSSV và nộp về các Khoa chuyên môn: 01 (một) điểm kiểm tra thường xuyên, và 01 (một) điểm kiểm tra định kỳ chính thức.
3. HSSV phải tham dự đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ; **Điểm trung bình chung** kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ phải lớn hơn hoặc bằng (\geq) 5 điểm.
4. Trường hợp HSSV có điểm trung bình chung kiểm tra dưới 5.0 điểm (<5 điểm) thì được giảng viên giảng dạy bố trí kiểm tra bổ sung.
5. Điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

$$\text{ĐTBC} = \frac{\text{KT}_{\text{TX}} + (\text{KT}_{\text{ĐK}} \times 2)}{3}$$

3

ĐTBC: Điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ

KT_{TX}: Điểm kiểm tra thường xuyên

KT_{ĐK}: Điểm kiểm tra định kỳ

Ví dụ: $KT_{TX} = 4.0$; $KT_{ĐK} = 6.0$

$$\overline{Đ}_{TBC} = \frac{4 + (6 \times 2)}{3} = 5,3 = \overline{Đ}_{\Delta T}$$

6. Điểm trung bình chung kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ có trọng số 0,4. ($\overline{Đ}_{TBC} \times 0.4$)

Mục 2 **THI KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN**

Điều 6. Tổ chức thi, kết thúc môn học, mô-đun

1. Thi kết thúc môn, mô-đun học được thực hiện cho tất cả các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo.

2. Cuối mỗi học kỳ, các Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức 1 (một) kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô-đun;

3. Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 04 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần;

4. Ngoài ra, các Khoa chuyên môn có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun vào thời điểm khác cho HSSV đủ điều kiện dự thi; Trường khoa chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch trình hiệu trưởng xét duyệt và thông báo cụ thể đến HSSV, và đảm bảo thời gian công bố lịch thi tại khoản 2 điều này;

5. Trong kỳ thi, từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một HSSV;

6. Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học, mô-đun tỷ lệ thuận với số giờ của môn học, mô-đun đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học thực hành, thực tập; tất cả các môn học, mô-đun phải bố trí giáo viên giảng viên hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi phải được công bố cho HSSV ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi;

7. Danh sách HSSV đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố trước ngày thi môn học, mô-đun đó ít nhất từ 3 - 5 ngày làm việc;

8. Danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được thông báo cho HSSV trước ngày thi kết thúc môn học, mô-đun đó từ 1 - 2 ngày làm việc.

Điều 7. Hình thức và thời gian làm bài thi kết thúc môn học, môn đun

1. Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi trực tiếp hoặc thi trực tuyến hoặc kết hợp thi trực tuyến với trực tiếp như: viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

2. Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô-đun đối với mỗi bài thi viết từ 60 đến 120 phút; thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo các khoa chuyên môn đề xuất trình hiệu trưởng quyết định;



3. Hình thức và thời gian làm bài thi kết thúc môn học, môn đôn được quy định tại đề cương chi tiết môn học, môn đôn, *hoặc* tại quyết định về hình thức và thời gian thi kết thúc các môn học, môn đôn do các khoa chuyên môn đề xuất trình hiệu trưởng ký duyệt ban hành khi có sự thay đổi.

Điều 8. Ra đề thi, coi thi, chấm thi kết thúc môn học, mô-đun

1. Nội dung đề thi:

a). Nội dung Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học, mô-đun đã được quy định trong chương trình đào tạo;

b). Bảo đảm phải có ngân hàng đề thi kết thúc môn học, mô-đun của tất cả các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo được hiệu trưởng phê duyệt; đề thi phải được tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi và được các Trưởng khoa ký duyệt trước khi thi.

c). Khi biên soạn nội dung đề thi cần chú ý các điểm sau đây:

- Đề thi phải đánh máy rõ ràng và phải đánh số trang (trang số/ tổng số trang);
- Sau khi biên soạn xong cần sử dụng mật mã (password) để bảo mật đề thi.

2. Coi thi:

a). Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất 2 (hai) cán bộ coi thi và không bố trí quá 50 HSSV dự thi; được thực hiện theo nội quy phòng thi và quy trình coi thi của trường.

b). Tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản theo quy định của trường.

3. Chấm thi:

a). Mỗi bài thi kết thúc môn học, mô-đun phải do ít nhất 02 giảng viên chấm thi, cho điểm độc lập nhau và phải ký đầy đủ vào bài thi, phiếu chấm điểm, bảng điểm tổng hợp của HSSV dự thi; trong đó, bài thi viết tự luận phải được làm phách trước khi chấm, và việc chấm thi vấn đáp, thực hành phải thực hiện trên phiếu chấm thi do tổ bộ môn xây dựng trình trưởng khoa xét duyệt theo đặc thù của từng môn học, môn đôn cụ thể;

b). Điểm của bài thi là trung bình cộng điểm của các giảng viên chấm thi; trường hợp điểm của các giảng viên chấm thi đối với một bài thi có sự chênh lệch từ 1,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 thì Trưởng khoa phải tổ chức xem xét hoặc chấm thi lại, nếu chấm thi lại mà chưa thống nhất được điểm thì trưởng khoa hoặc trưởng bộ môn xem xét, giải quyết và là người quyết định cuối cùng về điểm bài thi;

c). Bài thi trên máy tính (sử dụng phần mềm Moodle) được quy định và hướng dẫn cụ thể về tổ chức thực hiện. Kết quả thi được công bố ngay khi HSSV kết thúc thời gian làm bài thi.

d). Trường hợp HSSV không đủ điều kiện dự thi, vắng thi thì phải nhận điểm 0 cho lần thi đó.

4. Công bố điểm thi:

a). Điểm thi, kiểm tra theo hình thức vấn đáp, thực hành, thực tập hoặc bảo vệ báo cáo thực tập được giám khảo công bố cho HSSV biết sau khi chấm;

b). Đối với các hình thức thi, kiểm tra khác được công bố cho HSSV biết chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi xong (ngày thi của môn thi cuối cùng của kỳ thi).

Điều 9. Điều kiện dự thi và số lần dự thi kết thúc môn học, môn đun

1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, môn đun:

HSSV được dự kiểm tra kết thúc môn học khi có đầy đủ các điều kiện sau:

a). Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, môn-đun được quy định trong chương trình môn học, môn-đun;

b). Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

c). Còn số lần dự thi kết thúc môn học, môn đun theo quy định tại khoản 2 điều này.

2. Số lần dự thi kết thúc môn học, môn đun:

a). Thi kết thúc môn học, môn đun được tổ chức 2 (hai) lần.

b). HSSV được dự thi kết thúc môn học, môn-đun lần thứ nhất, nếu điểm môn học, môn-đun chưa đạt yêu cầu (<5 điểm) thì được dự thi thêm 01 (một) lần nữa ở kỳ thi lần 2 do văn phòng Khoa tổ chức; Thời điểm tổ chức thi kết thúc môn học, môn đun lần 2 cách thời điểm thi kết thúc môn học lần thứ nhất tối thiểu là 02 tuần, tối đa là 04 tuần.

c). HSSV vắng mặt ở lần thi nào mà không có lý do chính đáng thì vẫn tính số lần dự thi đó và phải nhận điểm 0 cho lần thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì không tính số lần dự thi và được văn phòng Khoa bố trí dự thi ở kỳ thi khác (và được tính là lần thi thứ 1).

d). HSSV sau 2 (hai) lần kiểm tra kết thúc môn học, môn đun vẫn có điểm kiểm tra dưới 5.0 điểm, phải học lại môn học, môn đun đó.

Điều 10. Học và thi lại

1. HSSV phải học và thi lại môn học, môn-đun chưa đạt yêu cầu nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không đủ điều kiện dự thi (Điều 6);

- Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học, môn-đun (đã thi 2 lần) nhưng điểm môn học, môn-đun chưa đạt yêu cầu;

2. HSSV thuộc diện phải học và thi lại không được bảo lưu điểm, thời gian học tập của môn học, môn-đun lần học trước đó (không được giữ lại điểm kiểm tra quá trình thường xuyên và định kỳ), mà phải bảo đảm các điều kiện dự thi được quy định tại khoản 1 Điều 9 mới được dự thi kết thúc môn học, môn-đun;

3. Trường hợp không còn môn học, môn-đun do điều chỉnh chương trình thi hội đồng khoa đề xuất hiệu trưởng quyết định chọn môn học, môn-đun khác thay thế trên cơ sở phù hợp với mục tiêu của ngành, nghề đào tạo.

4. HSSV có thể tra cứu thông tin để đăng ký học lại trên cổng thông tin đào tạo của trường hoặc liên hệ văn phòng Khoa để đăng ký học lại trong thời gian quy định. Đồng thời, phải theo dõi danh sách và thông báo thời hạn học lại. Khi học lại, HSSV phải đóng phí theo quy định của nhà trường.

Điều 11. Điểm thi kết thúc môn học, môn đùn

1. Điểm thi thúc môn học, mô đùn phải ≥ 5 điểm;
2. Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6 ($D_{KT} \times 0.6$).

Điều 12. Điểm tổng kết môn học

1. Cách tính điểm tổng kết môn học:

Điểm Tổng kết môn học là điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm kiểm tra kết thúc môn học, mô - đùn có trọng số 0,6.

$$D_{TKM} = (D_{TBC} \times 0.4) + (D_{KT} \times 0.6)$$

Trong đó:

- D_{TKM} : Điểm tổng kết môn học, môn đùn
- D_{TBC} : Điểm trung bình các điểm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ
- D_{KT} : Điểm kiểm tra kết thúc môn học, môn đùn.

2. Điểm tổng kết môn học, môn đùn được tính tròn đến một chữ số thập phân.

$$VD: D_{TKM} = (5.3 \times 0.4) + (7 \times 0.6) = 2,1 + 4,2 = 6.3$$

Điều 13: Điểm trung bình học kỳ, năm học, khóa học

1. Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

- + A : là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học;
- + i : là số thứ tự môn học, mô-đun;
- + a_i : là điểm của môn học, mô-đun thứ i ;
- + n_i : là số tín chỉ của môn học, mô-đun thứ i ;
- + n : là tổng số môn học, mô-đun trong học kỳ/năm học/khóa học.

2. Điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học bao gồm cả điểm môn học, mô-đun được bảo lưu, không bao gồm điểm môn học, mô-đun được miễn trừ và môn học điều kiện.

3. Môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và An ninh là 02 (hai) môn học điều kiện; kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

Điều 14. Xếp loại kết quả học tập

1. Sau mỗi học kỳ hoặc năm học, HSSV được xếp loại về học lực như sau:

a). Xếp loại kết quả học tập của HSSV theo học kỳ và năm học căn cứ vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học trong học kỳ, năm học theo thang điểm 10 của HSSV đó, cụ thể:

- Loại xuất sắc: từ 9,0 đến 10 điểm;
- Loại giỏi: từ 8,0 đến 8,9 điểm;
- Loại khá: từ 7,0 đến 7,9 điểm;
- Loại trung bình khá: từ 6,0 đến 6,9 điểm;
- Loại trung bình: từ 5,0 đến 5,9 điểm;
- Loại yếu: thấp hơn hoặc bằng 4,9 điểm.

b). HSSV có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ hoặc năm học được xếp loại kết quả học tập;

- Có 1 (một) môn học hoặc một mô-đun trở lên trong học kỳ, năm học phải thi lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ).

2. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp loại HSSV về học lực.

Mục 3

THI TỐT NGHIỆP - BẢO VỆ CHUYÊN ĐỀ, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Điều 15. Kế hoạch và tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

1. Kế hoạch thi tốt nghiệp do Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm xây dựng; Kế hoạch bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được Phòng Đào tạo và các khoa chuyên môn thống nhất xây dựng và công bố công khai trước kỳ thi tốt nghiệp ít nhất là 05 tuần.

2. Hội đồng thi tốt nghiệp:

a). Thành lập hội đồng thi tốt nghiệp:

Hội đồng thi tốt nghiệp do Phòng đào tạo trình hiệu trưởng ra quyết định thành lập, bao gồm:

- Chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo;
- Phó chủ tịch hội đồng là phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo hoặc trưởng phòng đào tạo;
- Thư ký hội đồng là trưởng phòng đào tạo hoặc phó trưởng phòng đào tạo;
- Các ủy viên: gồm một số cán bộ, giảng viên của trường (có thể mời thêm đại diện doanh nghiệp);
- Cán bộ, nhân viên, giảng viên của trường có HSSV dự thi tốt nghiệp là người thân (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) thì không được tham gia hội đồng và không được thực hiện nhiệm vụ trong các ban hoặc tiểu ban ra đề thi, coi thi, chấm thi liên quan đến HSSV đó;

- Số lượng các thành viên trong hội đồng ít nhất là 05 người.

b). Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp:

- Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp chịu trách nhiệm quy định cụ thể và chỉ đạo toàn bộ các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;
- Chủ tịch hội đồng ra quyết định thành lập các ban giúp việc hội đồng, bao gồm: Ban thư ký; Ban ban đề thi; Ban coi thi; Ban chấm thi. Ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; Ngoài ra, chủ tịch hội đồng có thể ra quyết định thành lập các ban giúp việc khác;

c). Ban giúp việc hội đồng thi tốt nghiệp:

- Thành phần của 1 (một) ban giúp việc gồm có: Trưởng ban và ủy viên, trong đó trưởng ban do 1 (một) thành viên trong hội đồng thi tốt nghiệp kiêm nhiệm, các ủy viên khác không bắt buộc phải là thành viên hội đồng;
- Mỗi ban giúp việc có thể được tổ chức thành các tiểu ban, thành phần của mỗi tiểu ban gồm có trưởng tiểu ban và ủy viên;
- Các thành viên của ban đề thi, ban chấm thi, ban chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp là giảng viên đủ tiêu chuẩn về nhà giáo trong giáo dục nghề nghiệp hoặc các chuyên gia của các doanh nghiệp đã tốt nghiệp đại học về ngành, nghề đào tạo phù hợp với nội dung thi, chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

d). Nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng thi tốt nghiệp:

- Tổ chức xét và trình hiệu trưởng xem xét, quyết định danh sách HSSV đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự thi, dự bảo vệ chuyên đề khóa luận tốt nghiệp;
- Tổ chức, điều hành toàn bộ hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;
- Xây dựng, trình hiệu trưởng quyết định và công bố nội quy thi, quy trình chấm thi, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, chấm phúc khảo và xử lý điểm sau phúc khảo; xây dựng đề cương ôn tập thi tốt nghiệp, đề thi và các tài liệu khác liên quan đến kỳ thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp trình hiệu trưởng phê duyệt;
- Bảo mật đề thi;
- Tổ chức công tác coi thi, kiểm tra giám sát thi, chấm thi, chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, chấm phúc khảo; xử lý hoặc đề xuất với hiệu trưởng xử lý các trường hợp vi phạm nội quy thi, giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan đến kỳ thi;
- Xét điều kiện tốt nghiệp cho HSSV;

- Trình hiệu trưởng xem xét, quyết định danh sách HSSV đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp;

- Báo cáo hiệu trưởng các vấn đề liên quan đến kỳ thi và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác liên quan đến việc tổ chức kỳ thi theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Ra đề thi, coi thi, chấm thi tốt nghiệp

1. Đề thi phải phù hợp với đề cương ôn thi, mỗi môn thi phải có một bộ đề thi chính và ít nhất một bộ đề thi dự bị tương đương về nội dung kiến thức và có cùng thời gian làm bài thi đối với môn thi Chính trị và môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp;

2. Điểm đáp án của đề thi theo hình thức thi viết, thực hành được chia nhỏ theo ý không quá 0,25 điểm theo thang điểm 10; trong đó, nếu điểm toàn bài thi có điểm lẻ là 0,25 thì quy tròn thành 0,5; có điểm lẻ là 0,75 thì quy tròn thành 1,0;

3. Việc coi thi, chấm thi, chấm phúc khảo, công bố điểm thi được thực hiện như kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun; trong đó, chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp là người quyết định cuối cùng điểm thi.

Điều 17. Điều kiện dự thi tốt nghiệp

1. Điều kiện dự thi tốt nghiệp:

HSSV được dự thi tốt nghiệp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:

a). Điểm tổng kết các môn học, mô-đun trong chương trình đạt yêu cầu trở lên (≥ 5);

b). Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c). Còn số lần dự thi và trong quỹ thời gian được dự thi tốt nghiệp theo quy định;

d). Không vượt quá thời hạn tối đa 05 năm tính từ ngày môn học, môn đôn thứ nhất bắt đầu đối với hệ cao đẳng và không quá 03 năm tính từ ngày môn học, môn đôn thứ nhất bắt đầu đối với hệ trung cấp mà HSSV đó tham dự;

đ). HSSV không đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu vẫn còn quỹ thời gian để hoàn thành các môn học, mô-đun trong chương trình theo quy định (theo mục d điều này) thì được các Khoa chuyên môn xem xét, đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt, cho phép HSSV được hoàn thành các môn học, mô-đun chưa đạt yêu cầu và tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp;

e). HSSV không đủ điều kiện dự thi do bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học, thì được hội đồng tốt nghiệp tổ chức xét điều kiện dự thi tốt nghiệp, trình hiệu trưởng xét duyệt;

f). Trường hợp HSSV có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, được hội đồng Khoa tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện dự thi tốt nghiệp cho HSSV đó.

2. Số lần dự thi tốt nghiệp

a). HSSV dự thi có môn thi tốt nghiệp điểm đạt từ 5,0 điểm trở lên không được thi cải thiện điểm;

b). Nếu dưới 5,0 điểm thì được dự thi lại môn thi đó, nhưng không quá 03 lần trong thời gian tối đa hoàn thành chương trình theo quy định (tại mục d khoản 1 điều này);

c). Thời gian thi lại lần thứ nhất tối thiểu 30 ngày làm việc kể từ ngày trường công bố kết quả thi tốt nghiệp; lần thứ 2 và lần thứ 3 do nhà trường quy định.

d). HSSV vắng mặt ở môn thi nào nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm 0 và vẫn tính số lần dự thi đó, trường hợp có lý do chính đáng thì được bố trí dự thi môn thi đó ở kỳ thi tốt nghiệp khác và chưa tính số lần dự thi, đồng thời, phải bảo đảm trong quỹ thời gian tối đa cho phép để hoàn thành chương trình theo quy định (tại mục d khoản 1 điều này).

Điều 18. Tổ chức thi Tốt nghiệp

1. Thi môn Chính trị:

Thi môn Chính trị được tổ chức theo hình thức trực tuyến: thi viết với thời gian 90 - 120 phút hoặc thi trắc nghiệm với thời gian từ 45 phút đến 60 phút.

2. Thi môn Lý thuyết tổng hợp:

Thi môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp được tổ chức theo hình thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến: thi viết hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp cả hai với thời gian thi không quá 180 phút.

3. Thi môn Thực hành:

Thi môn Thực hành nghề nghiệp được tổ chức theo hình thức làm bài thực hành kỹ năng tổng hợp để hoàn thiện một phần của sản phẩm hoặc một sản phẩm dịch vụ, công việc. Thời gian thi thực hành cho một đề thi từ 1 đến 3 ngày và không quá 8 giờ/ngày; Thời gian thi cụ thể đối với từng ngành, nghề do các khoa chuyên môn đề xuất trình hiệu trưởng quyết định.

4. Trường hợp được tổ chức theo hình thức bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ cao đẳng có kết quả học tập đạt loại khá, giỏi trở lên. Tùy theo điều kiện của từng ngành nghề được các Khoa chuyên môn lập kế hoạch cụ thể, đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt và thực hiện.

Điều 19. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

1. Khối lượng của chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không quá 5 tín chỉ trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Khoa chuyên môn căn cứ vào kết quả học tập của sinh viên, năng lực của đội ngũ giảng viên đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định những sinh viên được làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

3. Phân công hướng dẫn và duyệt chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp:

a). Khoa chuyên môn lập danh sách đề xuất trình hiệu trưởng xét duyệt quyết định phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp theo đề nghị của Trường khoa;

b). Tiêu chuẩn giảng viên hướng dẫn chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp với chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp; có khả năng nghiên cứu khoa học; có trách nhiệm đối với việc hướng dẫn sinh viên;

c). Số lượng chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp giao cho giảng viên hướng dẫn được giới hạn ở mức cao nhất của 1 (một) khóa học như sau:

- Giảng viên học vị kỹ sư, cử nhân: 3 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

- Giảng viên học vị thạc sĩ: 4 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp;

- Giảng viên học vị tiến sĩ: 5 chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

d). Giảng viên hướng dẫn cùng với sinh viên xác định chuyên đề, khóa luận và gửi về khoa chuyên môn; việc duyệt chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên do Hội đồng Khoa thực hiện và báo cáo kết quả cho hiệu trưởng.

4. Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp đủ tiêu chuẩn được bảo vệ:

a). Hình thức: do Hội đồng Khoa đề xuất, trình hiệu trưởng xét duyệt.

b). Nội dung:

- Được giảng viên hướng dẫn xác nhận bằng văn bản bảo đảm nội dung đạt yêu cầu và đề nghị cho bảo vệ;

- Nếu nội dung không đạt yêu cầu, giảng viên hướng dẫn cần đề nghị Hội đồng khoa gia hạn cho sinh viên hoặc cho sinh viên chuyển sang dự thi tốt nghiệp (nếu kịp thời gian ôn tập và thi);

c). Văn bản đề nghị cho sinh viên bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của giảng viên hướng dẫn và toàn văn chuyên đề, khóa luận nộp về khoa chuyên môn trước khi bảo vệ 15 ngày; chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được giao cho ban chấm trước khi bảo vệ ít nhất 10 ngày.

5. Chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp:

a). Ban chấm một chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (sau đây gọi là ban chấm) có từ 3 đến 5 thành viên gồm: trưởng ban, thư ký và các ủy viên. Giảng viên hướng dẫn có thể tham gia hoặc không tham gia; nếu không tham gia ban chấm thì cho điểm đánh giá chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp vào một phiếu kín và gửi cho ban chấm; nếu tham gia ban chấm thì cho điểm vào 2 phiếu kín (1 phiếu với tư cách người hướng dẫn, 1 phiếu với tư cách thành viên ban chấm);

b). Ban chấm chỉ họp khi có mặt từ 3 thành viên trở lên; trưởng ban và thư ký không được vắng mặt.

c). Ban chấm cho điểm bằng hình thức bỏ phiếu kín; điểm trung bình cộng của các thành viên là điểm chính thức của chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (điểm lẻ lấy 1 chữ số của phần thập phân, nếu chữ số thứ 2 của phần thập phân từ 6 trở lên thì làm tròn để tăng thêm 1 cho chữ số thứ nhất); VD: $7,16 = 7,2$.

d). Biên bản chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo mẫu quy định của nhà trường;

đ). Kết quả chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp phải được công bố ngay sau buổi bảo vệ.

3
NG
3
AN
CH
: O
1

e). Chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp sau khi bảo vệ được chỉnh sửa theo ý kiến của ban chấm được lưu 1 bản tại khoa chuyên môn và gửi về thư viện trường 1 bản.

Điều 20. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

1. HSSV được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

a). Điểm của mỗi môn thi tốt nghiệp phải đạt từ 5,0 trở lên hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp có điểm đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10;

b). Không trong thời gian: bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c). Hoàn thành các điều kiện khác theo quy định của trường;

d). Trường hợp HSSV có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hội đồng tốt nghiệp tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho HSSV đó.

2. Trường hợp HSSV bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn, hết thời gian bị kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức bị buộc thôi học thì được hội đồng tốt nghiệp tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

3. Chậm nhất sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thi tốt nghiệp hoặc kết thúc ngày bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, hội đồng xét tốt nghiệp tổ chức xét tốt nghiệp cho HSSV. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày xét tốt nghiệp cho HSSV, hội đồng xét tốt nghiệp danh sách HSSV có đủ điều kiện, không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.

4. Trên cơ sở đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày đề nghị, hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp HSSV học đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 21. Điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp

1. Đối với HSSV dự thi tốt nghiệp: điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TN} = \frac{3.Đ_{TB} + 2.Đ_{TNTH} + Đ_{TNLT}}{6}$$

Trong đó:

+ $Đ_{TN}$: điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp

+ $Đ_{TB}$: điểm trung bình chung toàn khóa học

+ $Đ_{TNTH}$: điểm thi môn Thực hành nghề nghiệp

+ $Đ_{TNLT}$: điểm thi môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp

2. Đối với sinh viên bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp: điểm đánh giá xếp loại tốt nghiệp được tính theo công thức sau:

$$Đ_{TN} = \frac{3.Đ_{TB} + 2.Đ_{CD}}{5}$$

Trong đó: $Đ_{CD}$: điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

3. Xếp loại tốt nghiệp của HSSV được căn cứ vào điểm xếp loại tốt nghiệp và tính theo thang điểm 10 như sau:

- a). Loại xuất sắc: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 9,0 đến 10;
- b). Loại giỏi: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 8,0 đến 8,9;
- c). Loại khá: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 7,0 đến 7,9;
- d). Loại trung bình khá: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 6,0 đến 6,9;
- e). Loại trung bình: điểm xếp loại tốt nghiệp từ 5,0 đến 5,9.

4. HSSV có điểm xếp loại tốt nghiệp đạt từ loại giỏi trở lên không có môn thi tốt nghiệp nào phải thi lại hoặc không phải bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp sẽ bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp nếu thuộc 01 (một) trong các trường hợp sau:

a). Có 1 (một) môn học hoặc 1 (một) mô-đun trở lên trong khóa học phải thi lại, học lại (không tính môn học điều kiện; môn học, mô-đun được miễn trừ);

b). Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên (không tính mức kỷ luật được quy định về vi phạm kiểm tra, thi) trong thời gian học tập tại trường.

5. HSSV phải thi lại tốt nghiệp hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp thì xếp loại tốt nghiệp như sau:

a). Có 01 môn thi tốt nghiệp phải thi lại 1 (một) lần thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là loại khá;

b). Có 02 môn thi tốt nghiệp phải thi lại 01 (một) lần hoặc có 01 (một) môn thi tốt nghiệp phải thi lại 02 (hai) lần hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp thì xếp loại tốt nghiệp cao nhất là trung bình khá;

c). HSSV phải thi lại tốt nghiệp hoặc bảo vệ lại chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b của khoản này thì xếp loại tốt nghiệp loại trung bình.

3. Mức xếp loại tốt nghiệp được ghi vào bằng tốt nghiệp và bằng tổng hợp kết quả học tập của HSSV.

Điều 22. Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bằng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập, bằng tốt nghiệp

1. Cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, bằng điểm, giấy chứng nhận kết quả học tập:

a). Ngay khi HSSV được công nhận tốt nghiệp, phòng Đào tạo trình hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời 01 lần duy nhất có giá trị thời hạn 1 năm, trước khi được cấp bằng tốt nghiệp chính thức;

b). HSSV được công nhận tốt nghiệp được cấp bằng điểm theo từng môn học, mô-đun cho toàn khóa học. Trong đó ghi rõ ngành, nghề đào tạo, hình thức đào tạo; kết quả và lý do môn học, mô-đun được miễn trừ, bảo lưu điểm; điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp, điểm trung bình chung học tập toàn khóa học, xếp loại tốt nghiệp, khen thưởng và kỷ luật, lý do hạ mức xếp loại tốt nghiệp (nếu có);

c). Bằng điểm được cấp sau khi HSSV có quyết định công nhận tốt nghiệp, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày HSSV kết thúc thi môn thi tốt nghiệp cuối cùng.

d). HSSV chưa được công nhận tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học, mô-đun đã học trong chương trình của trường, trong đó được ghi rõ hình thức đào tạo và lý do HSSV chưa được công nhận tốt nghiệp.

2. Điều kiện về ngoại ngữ để nhận bằng tốt nghiệp:

- HSSV các ngành nộp chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định sau đây trong thời hạn kể từ ngày HSSV nhập học chính thức cho đến chậm nhất là 10 ngày (làm việc) kể từ ngày kết thúc thi môn thi tốt nghiệp cuối cùng mà HSSV đó tham dự. Nếu vượt quá thời gian nêu trên, nhà trường sẽ không chịu trách nhiệm về việc cấp phát bằng đúng thời hạn cho HSSV.

a) Đối với ngành Quản trị khách sạn – trình độ cao đẳng:

- Sinh viên đạt 1 (một) trong các điều kiện về Tiếng Anh như sau:

- Sinh viên năm thứ 02 trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ, chuyên ngành tiếng Anh ở các trường Cao đẳng, Đại học khác.

- Có “Upper Intermediate Certificate” của các trung tâm anh ngữ.

- Có chứng chỉ APTIS 4 kỹ năng và có kết quả tương thích với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam từ B1 trở lên.

(Khung 6 bậc Việt Nam)	CEFR	Listening	Reading	Writing	Speaking
Bậc 3	B1	24	26	26	26

- Có các chứng chỉ TOEIC (4 kỹ năng), TOEFL Paper, TOEFL CBT, TOEFL IBT, IELTS có điểm lớn hơn hoặc bằng các mức thang điểm được quy định sau:

CEFR	TOEIC	TOEFL Paper	TOEFL CBT	TOEFL IBT	IELTS
B1	≥ 450	≥ 450	≥ 133	≥ 45	≥ 4.5

- Có chứng chỉ ngoại ngữ khác (Nga, Pháp, Đức ...) được quy đổi như sau:

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ
1	Tiếng Nga	TRKI cấp độ 2	2	Tiếng Pháp	DELTA B1
3	Tiếng Đức	ZD cấp độ 2			TCF Niveau 3

		CEFR B1	4	Tiếng Trung	HSK cấp độ 4
5	Tiếng Nhật	Cấp 2 hoặc N2	6	Tiếng Hàn	TOPIK trung cấp 2
7	Tiếng Ý	PLIDA cấp B1	8	Tiếng Tây Ban Nha	DELE cấp B1

b) Đối với ngành Quản trị lưu hành và Hướng dẫn du lịch - trình độ cao đẳng:

- Sinh viên đạt 1 (một) trong các điều kiện về Tiếng Anh như sau:
- Sinh viên năm thứ 02 trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ, chuyên ngành tiếng Anh ở các trường Cao đẳng, Đại học khác.
- Có “Upper Intermediate Certificate” của các trung tâm anh ngữ.
- Có chứng chỉ APTIS 4 kỹ năng và có kết quả tương thích với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam từ B1 trở lên.

Cụ thể:

(Khung 6 bậc Việt Nam)	CEFR	Listening	Reading	Writing	Speaking
Bậc 3	B1	24	26	26	26

- Có các chứng chỉ TOEIC (4 kỹ năng), TOEFL Paper, TOEFL CBT, TOEFL IBT, IELTS có điểm lớn hơn hoặc bằng các mức thang điểm được quy định sau:

CEFR	TOEIC	TOEFL Paper	TOEFL CBT	TOEFL IBT	IELTS
B1	≥ 400	≥ 430	≥ 120	≥ 40	≥ 3.5

- Có chứng chỉ ngoại ngữ khác (Nga, Pháp, Đức ...) được quy đổi tương tự **mục 1.** nghề Quản trị khách sạn (hệ cao đẳng).

c). Nghề kỹ thuật chế biến món ăn:

- Sinh viên năm thứ 02 trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ, chuyên ngành tiếng Anh ở các trường Cao đẳng, Đại học khác.
- Có chứng chỉ APTIS 4 kỹ năng và có kết quả tương thích với Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam từ A2 trở lên.

CEFR	Listening	Reading	Writing	Speaking
A2	16	16	18	16

- Có “Upper Intermediate Certificate” của các trung tâm anh ngữ.

- Có các chứng chỉ TOEIC (4 kỹ năng), TOEFL Paper, TOEFL CBT, TOEFL IBT, IELTS có điểm lớn hơn hoặc bằng các mức thang điểm được quy định sau:

CEFR	TOEIC	TOEFL Paper	TOEFL CBT	TOEFL IBT	IELTS
A2	≥ 380	≥ 400	≥ 126	≥ 43	≥ 3.0

- Có chứng chỉ ngoại ngữ khác (Nga, Pháp, Đức ...) được quy đổi như sau:

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ
1	Tiếng Nga	TRKI cấp độ 1	2	Tiếng Pháp	DELTA A2
3	Tiếng Đức	ZD cấp độ 1			TCF Niveau 2
		CEFR A2	4	Tiếng Trung	HSK cấp độ 3
5	Tiếng Nhật	Cấp 3 hoặc N4	6	Tiếng Hàn	TOPIK trung cấp 1
7	Tiếng Ý	PLIDA cấp A2	8	Tiếng Tây Ban Nha	DELE cấp B1

3. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm cấp bằng tốt nghiệp cho HSSV đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày HSSV kết thúc thi môn thi tốt nghiệp cuối cùng.

Chương 4 **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế tổ chức kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn gồm 04 chương, 27 Điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quy chế này là cơ sở cho việc tổ chức kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp của Trường Cao đẳng Du lịch Sài Gòn. Phòng Đào tạo, các khoa chuyên môn, giảng viên, học sinh, sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quy chế này.

